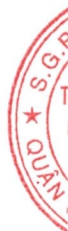




Maybank

Investment Bank

**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK**



QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

MỤC LỤC

CĂN CỨ PHÁP LÝ	3
CHƯƠNG I.....	3
QUY ĐỊNH CHUNG.....	3
Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	3
Điều 2: Giải thích thuật ngữ.....	3
CHƯƠNG II.....	4
CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN	4
Điều 3: Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng thành viên.....	4
Điều 4: Tiêu chuẩn Hội đồng thành viên	4
Điều 5: Chủ tịch Hội đồng thành viên	5
Điều 6: Thành viên Hội đồng thành viên phụ trách quản trị rủi ro	5
Điều 7: Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng thành viên.....	5
Điều 8: Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng thành viên	5
CHƯƠNG III	6
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN.....	6
Điều 9: Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên	6
Điều 10: Thù lao của Hội đồng thành viên:	7
Điều 11: Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên.....	7
CHƯƠNG IV	8
CÁC CUỘC HỌP, BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN.....	8
Điều 12: Cuộc họp của Hội đồng thành viên	8
Điều 13: Điều kiện họp Hội đồng thành viên	8
Điều 14: Tổ chức cuộc họp Hội đồng thành viên	8
Điều 15: Thông qua quyết định của Hội đồng thành viên	9
Điều 16: Biên bản họp Hội đồng thành viên.....	10
Điều 17: Chế độ báo cáo của Hội đồng thành viên.....	11
CHƯƠNG V	11
MỐI QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN.....	11
VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ	11
Điều 18: Mối quan hệ giữa Hội đồng thành viên với Ban Tổng Giám đốc	11
Điều 19: Mối quan hệ giữa Hội đồng thành viên với Kiểm toán nội bộ.....	11
CHƯƠNG VI.....	12
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	12
Điều 20: Hiệu lực thi hành.....	12

CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank có hiệu lực ngày 23. tháng 02 năm 2024 (“Điều lệ”).
- Quyết định của Hội đồng thành viên số 2302-2.../24/QĐ-HĐTV ngày 23. tháng 02 năm 2024.

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng thành viên Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank (“Quy chế”) được xây dựng nhằm quy định cụ thể cơ cấu tổ chức của Hội đồng thành viên, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên, thủ tục tổ chức các cuộc họp, thông qua quyết định Hội đồng thành viên và các mối quan hệ của Hội đồng thành viên với Ban Tổng Giám đốc, phòng Kiểm toán nội bộ.
2. Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng thành viên.

Điều 2: Giải thích thuật ngữ

1. Trong Quy chế này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “Công ty” là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank.
 - b. “Chủ sở hữu” là tổ chức sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty. Chủ sở hữu hiện tại của Công ty là Maybank IBG Holdings Limited.
 - c. “Ban Tổng Giám đốc” gồm có Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám Đốc (nếu có), Giám đốc Tài chính, Giám đốc Quản lý Rủi ro, và (các) Giám đốc Khối Kinh doanh.
 - d. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, thành viên Ban Tổng Giám đốc và các Giám Đốc Chi nhánh.
2. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng

QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

khoản sẽ có nghĩa tương tự trong Quy chế này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

CHƯƠNG II

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Điều 3: Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên gồm từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên, trong đó có tối thiểu 01 (một) thành viên độc lập. Hội đồng thành viên do Chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm với nhiệm kỳ 03 (ba) năm.
2. Chủ sở hữu Công ty có quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi thành viên bất cứ khi nào cần thiết. Hội đồng thành viên có thể được Chủ sở hữu bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 4: Tiêu chuẩn Hội đồng thành viên

1. Thành viên Hội đồng thành viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh, hoặc kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng.
 - c. Thành viên Hội đồng thành viên không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty chứng khoán khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.
2. Ngoài các tiêu chuẩn quy định tại Điều 4.1 nêu trên, thành viên độc lập Hội đồng thành viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản thù lao, phụ cấp mà thành viên Hội đồng thành viên được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là Người quản lý doanh nghiệp của Công ty hoặc người quản lý công ty con của Công ty.

Thành viên độc lập Hội đồng thành viên phải thông báo ngay với Hội đồng thành viên và Chủ sở hữu về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng thành viên kể từ ngày không đáp ứng đủ bất kỳ tiêu chuẩn nào. Chủ sở hữu sẽ bổ nhiệm thành viên

độc lập Hội đồng thành viên khác đáp ứng các tiêu chuẩn trên để thay thế.

Điều 5: Chủ tịch Hội đồng thành viên

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên do Chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm.
2. Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể kiêm Tổng Giám đốc Công ty.
3. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng thành viên áp dụng theo quy định tại Điều 3 Quy chế này.

Điều 6: Thành viên Hội đồng thành viên phụ trách quản trị rủi ro

Hội đồng thành viên cử 01 (một) thành viên phụ trách quản trị rủi ro để hỗ trợ Hội đồng thành viên thực hiện các chức năng, nhiệm vụ về quản trị rủi ro theo quy định của pháp luật Việt Nam và của Tập đoàn Maybank.

Điều 7: Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng thành viên

1. Thành viên Hội đồng thành viên đương nhiên mất tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 4 của Quy chế này.
 - b. Bị trục xuất khỏi hoặc cấm nhập cảnh vào nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
 - c. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank bị thu hồi giấy phép hoặc phá sản hoặc giải thể sau khi hoàn tất cả các công việc thu hồi toàn bộ tài sản của Công ty.
2. Sau khi bị mất tư cách thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian tại nhiệm.

Điều 8: Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng thành viên

1. Thành viên Hội đồng thành viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 4 của Quy chế này.
 - b. Có đơn xin từ chức và được chấp thuận.
 - c. Theo quyết định của Chủ sở hữu.
2. Thành viên Hội đồng thành viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Hội đồng thành viên quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và/hoặc quy định pháp luật Việt Nam.
 - b. Theo quyết định của Chủ sở hữu.

CHƯƠNG III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Điều 9: Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên

1. Trừ trường hợp pháp luật hoặc Điều lệ có quy định khác, Hội đồng thành viên có các quyền sau đây:
 - a. Quyết định nội dung Điều lệ Công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - b. Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người quản lý doanh nghiệp;
 - d. Quyết định các dự án đầu tư phát triển có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Thông qua các hợp đồng vay, cho vay, mua/bán tài sản và/hoặc các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - f. Quyết định phát hành trái phiếu;
 - g. Quyết định thành lập/đóng cửa công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch;
 - h. Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - i. Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty;
 - j. Soát xét/đánh giá/khuyến nghị (nếu có) phạm vi chương trình, quy trình kiểm toán nội bộ, kết quả kiểm toán nội bộ cũng như các biện pháp khắc phục đã thực hiện có phù hợp với các đề xuất của Kiểm toán nội bộ hay không;
 - k. Đánh giá hiệu quả hoạt động, xem xét việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm Giám đốc Kiểm toán nội bộ;
 - l. Xem xét và đánh giá hiệu quả hoạt động của nhân viên Kiểm toán nội bộ bao gồm các vấn đề về lương thưởng và tăng lương;
 - m. Thiết lập một quy trình chuẩn về triệu tập họp và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên; phối hợp hoạt động giữa Hội đồng thành viên với Ban Tổng Giám đốc;
 - n. Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện nhiệm vụ kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro nhằm quy định chính sách chiến lược quản lý rủi ro trong hoạt động của Công ty và kiểm tra, đánh giá về sự phù hợp, hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;
 - o. Đánh giá, xem xét và ra quyết định kết thúc đối với các vụ việc tố cáo vi phạm; và/hoặc đánh giá, xem xét và ra quyết định các bước kết thúc điều tra đối với

- các vụ việc tố cáo vi phạm và đưa ra các khuyến nghị khi cần thiết;
- p. Đảm bảo bộ chiến lược của Công ty hỗ trợ tạo ra giá trị lâu dài và bao gồm các chiến lược về việc xem xét, củng cố bộ tiêu chuẩn Môi trường, Xã hội và Quản trị bao gồm các cơ hội và rủi ro tương ứng liên quan đến bộ tiêu chuẩn này;
 - q. Các quyền khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Nghĩa vụ của Hội đồng thành viên:
- a. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật;
 - b. Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa Chủ sở hữu và Công ty;
 - c. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 10: Thù lao của Hội đồng thành viên

- 1. Chủ sở hữu Công ty quyết định mức thù lao, trợ cấp hợp và lợi ích khác (nếu có) của thành viên Hội đồng thành viên.
- 2. Thù lao, trợ cấp hợp và lợi ích khác (nếu có) của Hội đồng thành viên được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp cũng như các quy định khác có liên quan và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

Điều 11: Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên

- 1. Chủ tịch Hội đồng thành viên có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng thành viên;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp Hội đồng thành viên hoặc để lấy ý kiến các thành viên;
 - c. Triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc tổ chức việc lấy ý kiến các thành viên;
 - d. Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định của Hội đồng thành viên;
 - e. Thay mặt Hội đồng thành viên ký các quyết định của Hội đồng thành viên, biên bản kết quả lấy ý kiến Hội đồng thành viên và các giấy tờ khác thuộc thẩm quyền và theo quy định pháp luật.
 - f. Thực hiện các quyền, nghĩa vụ, nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ sở hữu, Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.
- 2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên vắng mặt hoặc không thể thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác của Hội đồng thành viên thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên theo nguyên tắc quy định tại khoản 3 điều này. Trường hợp không có thành viên được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên chết, mất tích, bị

QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì một trong số các thành viên Hội đồng thành viên triệu tập họp các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên theo nguyên tắc đa số cho đến khi có các quyết định chính thức của Chủ sở hữu về việc bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên.

3. Nguyên tắc Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền cho thành viên Hội đồng thành viên thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên như sau:
 - a. Ủy quyền được thực hiện bằng văn bản hoặc email, thể hiện rõ họ tên của người được ủy quyền, phạm vi ủy quyền và thời gian ủy quyền;
 - b. Người được ủy quyền không được phép ủy quyền lại.

CHƯƠNG IV

CÁC CUỘC HỌP, BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Điều 12: Cuộc họp của Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên tổ chức họp tối thiểu 4 (bốn) lần một năm và có thể họp bất thường khi cần thiết.
2. Cuộc họp của Hội đồng thành viên được tổ chức tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại các địa điểm khác trong hoặc ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam hoặc có thể được tổ chức thông qua hình thức điện thoại hội nghị.

Điều 13: Điều kiện họp Hội đồng thành viên

1. Cuộc họp của Hội đồng thành viên được tiến hành khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Hội đồng thành viên dự họp. Mỗi thành viên có 01 (một) phiếu biểu quyết có giá trị như nhau.
2. Các thành viên có thể đến tham dự họp hoặc tham dự thông qua điện thoại hội nghị theo sự hướng dẫn của người triệu tập cuộc họp.

Điều 14: Tổ chức cuộc họp Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên được triệu tập họp theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc theo yêu cầu của bất kỳ thành viên hoặc nhóm thành viên nào của Hội đồng thành viên. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên không triệu tập họp Hội đồng thành viên theo yêu cầu của thành viên hoặc nhóm thành viên trong thời

- hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thì thành viên, nhóm thành viên đó triệu tập họp Hội đồng thành viên. Chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Hội đồng thành viên sẽ được Công ty hoàn lại.
2. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người triệu tập họp chuẩn bị chương trình, nội dung tài liệu họp, triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng thành viên. Thành viên có quyền kiến nghị bổ sung nội dung chương trình họp bằng văn bản. Kiến nghị phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật hiện hành.
 3. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người triệu tập họp phải chấp thuận kiến nghị và bổ sung chương trình họp Hội đồng thành viên nếu kiến nghị có đủ nội dung theo quy định và được gửi đến trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 01 (một) ngày làm việc trước ngày họp Hội đồng thành viên; trường hợp kiến nghị được trình ngay trước khi bắt đầu họp thì kiến nghị được chấp thuận nếu đa số các thành viên dự họp tán thành.
 4. Thông báo mời họp Hội đồng thành viên có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc các phương thức khác và được gửi trực tiếp đến thành viên Hội đồng thành viên. Nội dung thông báo mời họp phải xác định rõ thời gian, địa điểm và chương trình họp. Tài liệu sử dụng trong cuộc họp liên quan đến quyết định về sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, thông qua phương hướng kinh doanh của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hằng năm phải được gửi đến các thành viên chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày họp. Thời hạn gửi các tài liệu khác là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày họp.
 5. Trường hợp thành viên yêu cầu họp Hội đồng thành viên thì yêu cầu triệu tập họp và lý do họp phải bằng văn bản hoặc được gửi qua các phương tiện điện tử khác cho Chủ tịch Hội đồng thành viên. Trường hợp yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên không có đủ nội dung như quy định bên trên và/hoặc theo quy định pháp luật hiện hành thì Chủ tịch Hội đồng thành viên phải thông báo bằng văn bản hoặc gửi qua các phương tiện điện tử khác về việc không triệu tập họp Hội đồng thành viên cho thành viên có liên quan trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong các trường hợp khác, Chủ tịch Hội đồng thành viên phải triệu tập họp trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.
 6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên không triệu tập họp Hội đồng thành viên theo quy định thì phải chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về thiệt hại xảy ra đối với Công ty và các thành viên có liên quan.

Điều 15: Thông qua quyết định của Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc thông qua các phương tiện điện tử khác, bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề sau đây:
 - a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - b. Quyết định phương hướng phát triển Công ty;

QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

- c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc Kiểm soát nội bộ, Giám đốc Quản lý rủi ro, Giám đốc Kiểm toán nội bộ.
 - d. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - e. Thông qua đề xuất mở tài khoản tại các ngân hàng; các khoản vay tại các ngân hàng trong và ngoài nước;
 - f. Quyết định thành lập/thay đổi địa điểm/đóng cửa công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch.
2. Quyết định của Hội đồng thành viên được thông qua khi có trên 50% (năm mươi phần trăm) số thành viên dự họp tán thành. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, phải được ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) số thành viên dự họp tán thành.
 3. Thành viên được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Tham dự và biểu quyết thông qua điện thoại hội nghị.
 4. Quyết định của Hội đồng thành viên có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong Quyết định.
 5. Quyết định của Hội đồng thành viên được thông qua bởi 100% số thành viên dự họp tán thành là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả trong trường hợp trình tự và thủ tục thông qua quyết định đó không được thực hiện đúng quy định.

Điều 16: Biên bản họp Hội đồng thành viên

1. Các cuộc họp của Hội đồng thành viên phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu trữ dưới các hình thức điện tử khác.
2. Biên bản họp lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
3. Biên bản họp Hội đồng thành viên phải làm xong và thông qua ngay trước khi kết thúc cuộc họp. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Thời gian và địa điểm họp; mục đích, chương trình họp;
 - b. Họ, tên của thành viên dự họp; họ và tên của thành viên không dự họp;
 - c. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết; tóm tắt ý kiến phát biểu của thành viên về từng vấn đề thảo luận (nếu có);
 - d. Tổng số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề biểu quyết;
 - e. Các quyết định được thông qua;
 - f. Họ, tên, chữ ký của các thành viên hoặc chủ tọa cuộc họp và thư ký cuộc họp.
4. Thư ký cuộc họp và chủ tọa cuộc họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng thành viên.

Điều 17: Chế độ báo cáo của Hội đồng thành viên

1. Các biên bản họp của Hội đồng thành viên đều được báo cáo cho Chủ sở hữu khi có yêu cầu.
2. Các báo cáo khác theo yêu cầu của Chủ sở hữu.
3. Các báo cáo khác theo yêu cầu của cơ quan chức năng (nếu có) phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG V

**MỐI QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ**

Điều 18: Mối quan hệ giữa Hội đồng thành viên với Ban Tổng Giám đốc

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng thành viên với Ban Tổng Giám đốc là mối quan hệ giữa quản trị doanh nghiệp và điều hành công việc hàng ngày. Trong quá trình thực hiện chức năng quản trị, Hội đồng thành viên tạo điều kiện để Ban Tổng Giám đốc thực hiện tốt chức năng của mình. Ban Tổng Giám đốc tạo điều kiện cần thiết để các thành viên Hội đồng thành viên thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công.
2. Khi phát hiện các vấn đề cấp bách thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc, các thành viên Hội đồng thành viên có thể trao đổi trực tiếp với thành viên Ban Tổng Giám đốc để giải quyết kịp thời.
3. Trong quá trình thực hiện các Quyết định của Hội đồng thành viên, nếu Ban Tổng Giám đốc phát hiện thấy có vấn đề không có lợi cho Công ty thì phải thông báo kịp thời cho Hội đồng thành viên để cùng giải quyết.

Điều 19: Mối quan hệ giữa Hội đồng thành viên với Kiểm toán nội bộ

1. Kiểm toán nội bộ có mối quan hệ trực tiếp với Hội đồng thành viên, báo cáo cho Hội đồng thành viên định kỳ hàng quý hoặc bất thường về các vấn đề liên quan đến tính hiệu quả của hệ thống quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ và quy trình quản trị nhằm đảm bảo Công ty tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan cũng như các quy trình quy chế nội bộ của Công ty.
2. Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng của mình trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật.
3. Hội đồng thành viên khi nhận các báo cáo từ Kiểm toán nội bộ có trách nhiệm xem xét và yêu cầu các bộ phận có liên quan khắc phục và điều chỉnh kịp thời.



CHƯƠNG VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20: Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua.

Ngày 23 tháng 02 năm 2024

THAY MẶT HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN



CHE ZAKIAH BINTI CHE DIN